TÒA ÁN ND HUYỆN T **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 74/2024/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 18 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 77/2024/TLST - VDS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 5, xã S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Trương Thị K, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn Cầu Mây, xã S, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Xuân T và chị Trương Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/12/2012. Nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay anh T và chị K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân T và chị Trương Thị K.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Bùi Nam P, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Bùi Hạ V, sinh ngày 17/02/2020. Nay các đương sự thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự thỏa thuận anh T chịu T bộ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Xuân T và chị Trương Thị K.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao 2 con chung là cháu 2 con chung là Bùi Nam P, sinh ngày 07/11/2013 và cháu Bùi Hạ V, sinh ngày 17/02/2020 cho chị anh Bùi Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trương Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trương Thị K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: anh Bùi Xuân T nộp T bộ lệ phí sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002981 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã S;
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Lan